

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2022
V/v “Ly hôn” và “Nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Anh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Thanh
2. Ông Nguyễn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn,
tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ số
143/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” và “Nuôi
con chung khi ly hôn”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày
18/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày
12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mơ Num Sy L, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện N, tỉnh T.

- Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện N, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Mơ Num Sy L trình bày:

Bà và ông Trần Văn N sau một thời gian tìm hiểu đã kết hôn và có đăng
ký kết hôn vào ngày 22/07/2013 tại UBND xã S, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh
Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77. Bà và ông N chung sống với nhau
được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do
ông N không cảm thông, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống và thường
xuyên cãi vã, xúc phạm đến dân tộc, danh dự, nhân phẩm của bà. Hiện nay bà và
ông N cũng đã ly thân, không còn chung sống, quan tâm đến nhau. Do đó bà Mơ
Num Sy L yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn N.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Mơ Num Sy L và ông Trần Văn
N có 02 con chung, tên con chung là Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 22 tháng 5

năm 2013 và Trần Tuấn V, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015. Hiện nay cháu N và cháu V đang sống với bà.

Bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và yêu cầu ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng/01 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Trần Văn N không có tài sản chung và nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà đồng ý chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị bà Mơ Num Sy L không thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng và không gửi bản trình bày ý kiến đến Tòa án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà Mơ Num Sy L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N không chấp hành và vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Văn N.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mơ Num Sy L, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Mơ Num Sy L được ly hôn với ông Trần Văn N.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Mơ Num Sy L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013 và Trần Tuấn V, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015.

Ông Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với 02 con chung là Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013 và Trần Tuấn V, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015. Mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng/01 con chung. Thời gian cấp dưỡng từ ngày tháng 6/2022 cho đến khi cháu Trần Thị Tuyết N và cháu Trần Tuấn V đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mơ Num Sy L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Tòa án không xem xét trong vụ án này.

+ Bà Mơ Num Sy L phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp:

Bà Mơ Num Sy L và ông Trần Văn N có đăng ký kết hôn ngày 22/07/2013 tại UBND xã S, huyện N, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn” và “Nuôi con chung khi ly hôn”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án:

Bị đơn ông Trần Văn N có Hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã S, huyện N, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3]. Về sự vắng mặt của ông Trần Văn N:

Ông Trần Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Văn N.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Mơ Num Sy L và ông Trần Văn N có đăng ký kết hôn ngày 22/07/2013 tại UBND xã S, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77 (BL 06). Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà Mơ Num Sy L và ông Trần Văn N là hợp pháp.

Xét thấy:

Trong cuộc sống hôn nhân, bà Mơ Num Sy L và ông N có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân một thời gian dài. Tại Biên bản xác minh ngày 28/3/2022 thể hiện: Ông Trần Văn N và bà Mơ Num Sy L sau một thời gian kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn, ông N thường xuyên có lời lẽ xúc phạm bà Sy L. Hiện nay ông N và bà Sy L không còn chung sống với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cụ thể: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N không đến Tòa án, không gửi bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Điều này thể hiện ông Trần Văn N đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà Sy L, đồng thời thể hiện ông N đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Từ các tài liệu, chứng cứ nói trên, có đủ cơ sở để kết luận:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Mơ Num Sy L và ông Trần Văn N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mơ Num Sy L về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn N.

[2.2]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Mơ Num Sy L và ông Trần Văn N có 02 con chung, tên con chung là Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013 và Trần Tuấn V, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015, bà Mơ Num Sy L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu V.

Bà Mơ Num Sy L yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với 02 con chung, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng/01 con chung.

Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 22/3/2022, cháu Trần Thị Tuyết N có nguyện vọng được ở với mẹ (BL 13).

Xét thấy:

Hiện nay các cháu Trần Thị Tuyết N và Trần Tuấn V đang sống với bà Mơ Num Sy L, được chăm sóc, giáo dục tốt. Trong khi đó, ông Trần Văn N đã bỏ đi làm ăn xa, không quan tâm, chăm sóc đến các con chung. Bản thân ông N cũng không có ý kiến về yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của bà Mơ Num Sy L. Bên cạnh đó, các cháu Trần Thị Tuyết N và Trần Tuấn V cũng cần có sự quan tâm không chỉ về mặt vật chất mà còn về mặt tinh thần của cả cha và mẹ để có được điều kiện học tập, sinh hoạt tốt nhất.

Do đó, để đảm bảo được quyền lợi hợp pháp về mọi mặt cũng như sự phát triển tốt nhất cho cháu Như và cháu Vũ, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013 và Trần Tuấn V, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015 cho bà Mơ Num Sy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Trần Thị Tuyết N và Trần Tuấn V. Mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng/01 con chung; Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu Trần Thị Tuyết N và cháu Trần Tuấn V đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mơ Num Sy L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Mơ Num Sy L phải chịu **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và đồng ý chịu **300.000 đồng** (Sáu trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng án phí bà Mơ Num Sy L phải chịu là **600.000 đồng** (Sáu trăm nghìn đồng).

[3]. Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mơ Num Sy L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mơ Num Sy L, cụ thể:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mơ Num Sy L được ly hôn với ông Trần Văn N.

2.2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Mơ Num Sy L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013 và Trần Tuấn V, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Trần Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với 02 con chung là Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013 và Trần Tuấn V, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015. Mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng/01 con chung. Thời gian cấp dưỡng từ ngày tháng 6/2022 cho đến khi cháu Trần Thị Tuyết N và cháu Trần Tuấn V đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mơ Num Sy L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét trong vụ án này.

2.4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mơ Num Sy L phải chịu tổng cộng **600.000 đồng** (Sáu trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, bao gồm **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003121 ngày 23/12/2021.

Bà Mơ Num Sy L còn phải nộp **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, bà Mơ Num Sy L có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Ông Trần Văn N vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND xã S, huyện Ninh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trần Anh Khoa